

Bản án số: 137/2017/HSPT

Ngày: 22-12-2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- - ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ong Thân Thắng.

Các Thẩm phán: 1. Ông Nguyễn Văn Nhiên.

2. Ông Nguyễn Như Hiền.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Ngô Văn Quang - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:***
Ông Nguyễn Khắc Phùng - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong các ngày 21 và ngày 22 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 134/2017/HSPT ngày 06/9/2017 đối với bị cáo La Văn T do có kháng cáo của người bị hại đối với bản án hình sự sơ thẩm số 48/2017/HSST ngày 02/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang.

****Bị cáo không có kháng cáo:*** Họ và tên: La Văn T, tên gọi khác: không có, sinh năm 1990 tại xã P, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; Nơi ĐKKHKT: Thôn B, xã P, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; số chứng minh nhân dân: không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: Lớp 9/12. Dân tộc: Nùng; con ông: La Văn Đ, sinh năm 1956 và bà: Trần Thị K, sinh năm 1954; chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Chưa có; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 21/6/2015 đến ngày 30/6/2015, bị tạm giam từ ngày 03/11/2016, hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang; Có mặt.

****Người bào chữa cho bị cáo:*** Luật sư Võ Thị An B là cộng tác viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Giang; Có mặt.

****Người bị hại có kháng cáo:*** Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1983. Trú quán: Thôn B, xã Q, huyện T, tỉnh Bắc Giang; Có mặt.

****Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị hại:*** Luật sư Nguyễn Ngọc T thuộc Văn phòng luật sư T, Đoàn Luật sư tỉnh Thái Nguyên. Có mặt.

*** Nguyên đơn dân sự:** Công ty TNHH một thành viên Lâm Nghiệp L, tỉnh Bắc Giang; do ông Lê Hồng K; chức vụ: Giám đốc, đại diện. Địa chỉ: Thôn L, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang; xin vắng mặt.

*** Bị đơn dân sự:** Anh Đỗ Văn Đ, sinh năm 1980; Trú quán: Khu M, Thị trấn C, huyện L, tỉnh Bắc Giang; xin vắng mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Đỗ Văn Đ, sinh năm 1980; Trú quán: Khu Minh K, Thị trấn C, huyện L, tỉnh Bắc Giang; xin vắng mặt.

* Người đại diện theo ủy quyền của anh Đỗ Văn Đ: ông Trịnh Xuân T, sinh năm 1967. Trú quán: Khu H, Thị trấn C, huyện L, tỉnh Bắc Giang; vắng mặt.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh Đỗ Văn Đ: Luật sư Triệu Hạnh H, Văn phòng Luật sư T, thuộc đoàn luật sư tỉnh B; có mặt.

2. Bà Trịnh Thị T, sinh năm 1967; Trú quán: Khu M, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang; vắng mặt.

3. Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1984; Trú quán: Thôn B, xã Q, huyện T, tỉnh Bắc Giang; có mặt.

4. Anh Lý Nguyễn Lê H, sinh năm 1991; Nơi công tác: Công an huyện L, tỉnh Bắc Giang; xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản cáo trạng số 43/KSĐT ngày 31/5/2017 của VKSND huyện L và bản án hình sự sơ thẩm số 48/2017/HSST ngày 02/8/2017 của TAND huyện L, tỉnh Bắc Giang thì nội dung vụ án như sau:

La Văn T, sinh năm 1990, trú tại thôn B, xã P, huyện V, tỉnh Lạng Sơn là người chưa có giấy phép lái xe ô tô theo quy định. Khoảng tháng 6/2015, T đến làm thuê tại xưởng làm đá lạnh ở thôn L, xã N, huyện L của bà Trịnh Thị T, sinh năm 1967, trú tại khu M, thị trấn C, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Tại xưởng làm đá lạnh của bà T, có anh Đỗ Văn Đ, sinh năm 1980, trú tại khu M, thị trấn C, huyện L (là cháu gọi bà T bằng dì) có chiếc xe ô tô tải màu xanh, nhãn hiệu VINAXUKI, tải trọng 1620 kg biển số 34C-050.** thường xuyên dùng xe ô tô của mình chở đá thuê cho bà T đi giao ở các điểm cân vãi thiếu trên địa bàn huyện L, sau khi đi giao đá lạnh xong anh Đ thường đỗ xe ô tô của mình tại sân xưởng làm đá lạnh của bà T để chờ bốc đá. Khoảng 19 giờ ngày 19/6/2015, La Văn T đang ở trong xưởng làm đá lạnh của bà T thì thấy chiếc xe ô tô tải màu xanh, nhãn hiệu VINAXUKI, biển số 34C-050.** của anh Đ đỗ ở sân xưởng làm đá lạnh, T đi đến mở cửa xe ô tô bên lái thấy xe không khóa cửa, T tự ý trèo lên ca bin và ngồi vào ghế lái, rồi T lấy chìa khoá xe máy có chữ B25 trong chùm chìa khoá của mình tra vào ổ khoá điện xe ô tô rồi vặn đề thấy xe nổ. T vào số 1 và điều khiển xe ô tô đi ra khỏi cổng xưởng đá rồi rẽ trái đi khoảng 20m thì dừng lại, sau đó T vào số lùi rồi lùi xe ô tô quay lại

công xưởng đá, lúc này T gặp các anh Hà Văn T, sinh năm 1988, trú tại Đội 1, xã X, huyện N, Tỉnh Thanh Hoá, anh Bùi Văn C, sinh năm 1993, anh Bùi Văn K, sinh năm 1989, đều trú tại thôn D, xã M, huyện N, tỉnh Thanh Hoá (là những người làm thuê tại xưởng đá của bà T cùng với T) đang đứng ở đó. T nói với mọi người “tao đi thử một vòng rồi quay lại” nhưng không có ai nói gì, T tiếp tục điều khiển xe ô tô rẽ phải đi từ hướng đường thôn L, xã N đi ra đường Quốc lộ 31. Khi đến ngã ba từ đường thôn L ra Quốc lộ 31, T điều khiển xe ô tô rẽ trái vào hướng dãy nhà tập thể của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm nghiệp L để quay đầu xe ô tô trở về. Do không biết điều khiển xe ô tô và bị cuống nên chân của T đã đạp vào chân ga làm xe ô tô đâm thẳng vào cửa nhà của gia đình anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1983 (là cán bộ của Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp L) đang ở nhờ 01 căn hộ để mở quán bán hàng nước tại đó, lúc này anh N đang ngồi uống nước cùng một số người ở trước cửa nhà mình thì bị xe ô tô do T điều khiển đâm thẳng vào người và bị phần đầu xe ô tô bên phải đè qua người, sau đó xe ô tô đâm tiếp vào cửa nhà anh N thì bị chết máy dừng lại. Lúc này một số người có mặt ở đó đã hô hoán "xe đâm chết người rồi" và yêu cầu T xuống xe nhưng do cửa xe ô tô bị kẹt T không mở được, lúc đó có một người thanh niên đi đường do bức xúc về hành vi của T nên đã cầm chiếc cốc thủy tinh ném qua cửa lái xe ô tô vào phía mi mắt bên trái của T làm T bị thương chảy máu, sau đó T dùng chân và tay đẩy mạnh thì cửa xe ô tô bật ra rồi T nhảy xuống đất thì bị người thanh niên đó xông vào đánh nên T bỏ chạy vào thôn L, xã N sau đó T nằm ngủ ở bãi cỏ ven đường đến khoảng 01 giờ sáng ngày 20/6/2015 T về chỗ nghỉ ở xưởng làm đá lạnh của bà T lấy quần áo rồi đi xuống thị trấn C thuê nhà nghỉ ngủ đến sáng ngày 20/6/2015 thì T đón xe ô tô đi đến khu vực Cầu 18, thành phố B bỏ trốn. Sau khi T lái xe ô tô gây tai nạn bỏ trốn bà Trịnh Thị T đã điện thoại cho T động viên T ra đầu thú, đến ngày 21/6/2015 thì T đón xe ô tô đi về thị trấn C, huyện L sau đó bà T đã đưa T đến Công an huyện L đầu thú. Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L, La Văn T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. Đối với anh Nguyễn Văn N sau khi bị xe ô tô do T điều khiển gây tai nạn đã được mọi người đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa khu vực L, do vết thương nặng nên anh N được chuyển đến bệnh viện Việt Đức - Hà Nội cấp cứu và điều trị, sau đó được chuyển đến điều trị tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Giang.

Kết quả khám nghiệm hiện trường:

Nơi xảy ra vụ tai nạn tại tr-ớc cửa quán của gia đình anh Nguyễn Văn N ở tiếp giáp mặt đ-ờng Quốc lộ 31 thuộc địa phận thôn L, xã N, huyện L. Đoạn đường thẳng, phẳng nằm trong khu vực đông dân c-, có biển báo hiệu giao nhau với đ-ờng không -u tiên (rẽ vào thôn L), không có biển báo cấm, lòng đ-ờng (mặt đường nhựa) Quốc lộ 31 rộng 6m, mặt đ-ờng bê tông vào thôn L rộng 4m, trước cửa nhà anh N có sân kích thước (30 x 14)m.

Trên hiện tr-ờng có 01 xe ô tô tải, 02 đám máu, 01 bức t-ờng đồ, 01 cánh cửa xếp bị đổ, 01 số bàn ghế nhựa gãy vỡ, một số cốc thủy tinh bị vỡ. Lấy bên trái đường C đi S làm mốc xác định:

Xe ô tô tải nhãn hiệu VINAXUKI, biển số 34C - 050.** đỗ ở tr-ớc cửa quán n-ớc nhà anh Nguyễn Văn N, đầu xe ô tô h-ớng vào trong cửa nhà anh N, sau xe h-ớng ra đ-ờng Quốc lộ 31. Tâm bánh tr-ớc bên phải ra mép đ-ờng nhựa là 13m20, tâm bánh sau ra mép đ-ờng nhựa là 10m40, tâm bánh tr-ớc bên trái đến đám gạch vỡ là 1m80. Tr-ớc đầu xe ô tô vị trí bậc lên xuống cửa nhà có đám máu (đánh số 1) kích th-ớc (40 x 30)cm, ngang đám máu (1) là vị trí đám máu số 2 nằm trên bậc lên xuống kích th-ớc (1m x 50cm), tâm đám máu (2) đến mép đ-ờng nhựa là 13m60, đến tâm bánh tr-ớc bên phải xe ô tô là 1m40, đến vết máu (1) là 1m. Ngang bên phải xe ô tô là đám bàn ghế nhựa và cốc thủy tinh bị vỡ kích th-ớc 2m80 x 4m30 (gồm 10 cốc thủy tinh có quai loại 500ml, 01 bàn 6 ghế nhựa màu vàng nhãn hiệu Song Long). Tâm đám vỡ đến mép đ-ờng nhựa trái 10m20. Tr-ớc đầu xe ô tô là góc bờ t-ờng bên trái của nhà anh Nam (theo h-ớng quay ra đ-ờng) bị đổ vỡ đ-ợc (đánh số 3), kích th-ớc 1m70 x 1m, đoạn t-ờng bị đổ cao 1m70, rộng 40cm. Phần cửa xếp (sắt) bên trái của nhà anh Nam có một cánh bị bật tung ra khỏi vị trí ban đầu, cánh cửa bị bật ra dài 2m, cao 2m80. Nhà anh Nam đang ở là nhà cấp 4 mái lợp Prư xi măng, cửa h-ớng ra Quốc lộ 31, t-ờng xây 20, kích th-ớc nhà 10m x 4m50. Bên trái xe ô tô là quán bán hàng n-ớc và bàn ghế bán hàng n-ớc, có cốc thủy tinh và ghế nhựa vỡ kích th-ớc (04 x 03)m. Trên thùng xe ô tô 34C - 050.46 không chở hàng hóa gì. Điểm chuẩn: Lấy tâm bánh sau bên trái xe ô tô 34C - 050.** đến ngã 3 đ-ờng bê tông đi vào thôn L - N - L là 18m .

Về thương tích của anh Nguyễn Văn N:

1. Tại giấy chứng nhận th-ơng tích số 41 ngày 23/6/2015 của Bệnh viện đa khoa khu vực L xác định anh Nguyễn Văn N vào viện lúc 21 giờ 25 phút ngày 19/6/2015 chuyển viện hồi 22 giờ 15 phút. Tình trạng th-ơng tích lúc vào viện:

- Bệnh nhân tỉnh, da niêm mạc nhợt nhạt, đa vết th-ơng vùng đùi, cẳng bàn chân hai bên chảy máu nhiều. Gãy hở x-ơng đùi trái, gãy kín x-ơng đùi phải, gãy hở hai x-ơng cẳng chân trái, phức tạp có tổn th-ơng bó mạch thần kinh. Vùng chấn có vết th-ơng rách da đầu chảy máu kích th-ớc (03 x 01) cm. Huyết áp 80/50.

- Tình trạng th-ơng tích lúc chuyển viện: Bệnh nhân tỉnh, mệt, đau nhiều vùng vết th-ơng, các vết th-ơng đã đ-ợc băng ép cầm máu, đã cố định x-ơng gãy, mạch quay hai bên đều rõ hơn 90 lần /phút. Huyết áp 100/60.

2. Tại giấy chứng nhận th-ơng tích số 2050/2015 ngày 22/7/2015 của Bệnh viện Hữu Nghị - Việt Đức xác định: Anh Nguyễn Văn N vào viện ngày 19/6/2015 ra viện ngày 13/7/2015 Tình trạng th-ơng tích lúc vào viện:

- Tỉnh chậm, glasgow 14 điểm, mạch 105 lần/phút, huyết áp 90/50mmHg. CT Scanner sọ não: Chảy máu khoang d-ới nhện trong một số rãnh cuộn não vùng đỉnh phải, tụ dịch xoang sàng và xoang b-óm 2 bên, vỡ trần ổ mắt bên phải.

- Biến dạng đùi + cẳng chân trái. Vết th-ơng lóc da đùi lan đến khoeo và nếp lằn mông trái kích th-ớc (20x20)cm. Gãy 1/3 trên x-ơng đùi trái. Vết th-ơng mặt

sau bắp chân trái kích thước (15x20)cm. Vết thương phía trước cẳng chân trái kích thước (2x1)cm, mạch mu chân, chày sau bất yếu, đầu chi nhợt nhạt. X quang: Gãy 1/3 trên đùi trái, gãy 1/3 trên hai xương cẳng chân trái. Gãy 1/3 dưới đùi phải. Doppler: Hệ thống mạch chi dưới bên trái, động mạch chày trước và chày sau không có tín hiệu mạch trên Doppler. Động mạch khoeo không thăm khám được.

- Biến dạng đùi phải. Vết thương phía sau đùi phải kích thước (2x1)cm, mạch mu chân, ống gót rõ.

- Ngực - chậu vững. Bụng mềm.

Chỉ định cận lâm sàng chính:

- CT Scannet, X.Quang, siêu âm, xét nghiệm máu cơ bản.

Bệnh viện đã xử trí:

- Hiện về sọ não không có chỉ định can thiệp cấp cứu. Điều trị nội khoa.

- Mở cấp cứu: Kíp chấn thương: Mở vết thương đùi trái kiểm tra thấy lóc da rộng, vết thương đụng dập cơ ngoài, gãy 1/3 trên xương đùi. Tiến hành cắt lọc, xử lý da lóc, kết hợp xương nẹp vít đùi trái. Kiểm tra vết thương cẳng chân trái thấy vết thương dập nát cơ tam đầu cẳng chân. Tiến hành cắt lọc, xử lý phần mềm dập nát, cố định nẹp vít cẳng chân. Kiểm tra vết thương đùi phải đầu xương chọc ra ngoài qua vết thương, lóc da đùi, gối. Tiến hành cắt lọc, làm sạch, xử lý da lóc. Kíp mạch máu: Bộc lộ động mạch chày trước sau, đứt toàn bộ động mạch, tĩnh mạch chày trước sau. Tiến hành nối động mạch, tĩnh mạch chày trước sau.

- Mở lần 2: Nhiễm trùng hoại tử cẳng chân trái không còn chỉ định bảo tồn. Tiến hành cắt cụt 1/3 dưới xương đùi trái.

- Mở lần 3: Kết hợp nẹp vít xương đùi phải, sửa móm cụt đùi trái.

- Hồi sức tích cực. Dẫn lưu màng phổi hai bên. Truyền máu, truyền dịch, thuốc sau mổ. Nẹp bột đùi cẳng bàn chân hai bên.

Điều trị đến ngày 13/7/2015 chuyển về tuyến Bệnh viện tỉnh.

Tình trạng ra viện: Ổn định.

3 - Tại giấy chứng nhận thương tích số 20495 ngày 04/9/2015 của Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Giang xác định anh Nguyễn Văn N vào viện ngày 13/7/2015 ra viện ngày 05/8/2015. Tình trạng thương tích lúc vào viện:

- Đau đùi 2 bên

- Đã cắt cụt 1/3 đùi trái, đau móm cụt, băng dịch thấm.

- Khuyết hồng phần mềm đùi trái.

- Mạch của chân phải rõ

- X Quang: Dụng cụ KHX xương đùi hai bên. Hình cắt cụt xương đùi trái từ đoạn 1/3 dưới trở xuống.

Tình trạng lúc ra viện: Ổn định.

Ngày 29/7/2015 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L đã ra quyết định trưng cầu giám định đối với thương tích của anh Nguyễn Văn N.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 6887/15/TgT ngày 06/8/2015 của Trung tâm giám định pháp y tỉnh Bắc Giang kết luận: Ông Nguyễn Văn N được xác định tỷ lệ tổn thương là: **78%** (*Bảy tám phần trăm*).

Th-ong tích do va chạm vào vật cứng gây nên. Không đánh giá cố tật. Không ảnh h-ởng đến thẩm mỹ.

- Ngày 21/10/2015 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L ra Quyết định trưng cầu giám định bổ sung đối với thương tích của anh Nguyễn Văn N nhưng anh Nam đã từ chối giám định bổ sung.

Kết quả khám ph-ương tiện:

Xe ô tô nhãn hiệu VINAXUKI, màu xanh, biển số 34C - 050.** sau tai nạn có các dấu vết sau:

- Gương xe ô tô bị xoay chân gương, vỡ gương chiếu hậu bên phải và góc gương tròn bên phải.

- Vỡ kính chắn gió, cần gạt nước bên trái bị cong vênh.

- Mặt tr-ớc ca bô cong vênh ép vào trong kích thước (70x35)cm.

- Gãy vỡ chắn gió phía trước đầu xe ô tô kích thước (70x20)cm.

- Vỡ đèn xương mù bên phải, vỡ đèn xi nhan bên phải phía tr-ớc, vỡ đèn xi nhan trái phía trước.

- Gãy vỡ Ba đờ sốc trước, ép vào trong kích thước (70x20)cm.

- Biển số xe trước bị cong vênh. Vỡ ống ti ô dầu côn, vỡ nhựa che mưa cánh cửa trái kích thước (10x8)cm.

- Mặt trước ca bin có vết bẹp méo lõm vào trong kích thước (10x5)cm. Bàn thờ, ốp nhựa đồng hồ bị gãy các nẩy bị đẩy vào trong kích thước 7cm so với vị trí bình thường.

- Cửa xe bên phải bị cong tròn về sau không mở được cửa. Bên trong cửa lái có 3 đám máu nhỏ.

- Tại vị trí ổ khóa điện có 01 chùm chìa khóa gồm:

+ 01 móc inox.

+ 01 chìa khóa Việt Tiệp.

+ 02 chìa khóa xe máy, một chiếc nhãn hiệu Hon Da, một chiếc có ghi số B25.

+ 01 chìa khóa không có nhãn hiệu, có số 701.

+ 01 chiếc lấy ráy tai.

+ 01 miếng sắt inox có chữ QUANGREW có kích thước (2x1)cm.

+ Bên phải dưới gầm thùng xe ô tô có hệ thống cắt mát ở chế độ mở.

+ Trên thùng xe không chở hàng hóa gì.

Kỹ thuật an toàn phương tiện:

- Đèn, còi, xi nhan, cần gạt nước mưa hỏng không kiểm tra được.

- Phanh tay và phanh chân hỏng không kiểm tra được.

- Bốn lốp bảo đảm an toàn.

- Hệ thống điều khiển do tai nạn bị hỏng không kiểm tra được.

Về điều kiện của phương tiện và người điều khiển:

- Xe ô tô nhãn hiệu VINAXUKI 34C - 050.46 có giấy đăng ký và giấy chứng nhận kiểm định, không có giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự,

chủ sở hữu là anh Đỗ Văn Đ, sinh 1980, trú tại khu M, thị trấn C, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

- La Văn T khi điều khiển xe ô tô nhãn hiệu VINAXUKI, biển số 34C - 050.** gây tai nạn không có giấy phép lái xe ô tô theo quy định.

Đối với thiệt hại tài sản sau tai nạn:

Tại kết luận định giá tài sản số 32 ngày 25/6/2015 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện L kết luận:

- Xe ô tô nhãn hiệu VINAXUKI biển số 34C - 050.** xác định tổng thiệt hại là 31.890.000 đồng.

- 01 (một) bộ bàn ghế nhựa, nhãn hiệu Song Long thiệt hại là 450.000 đồng.

- 10 (mười) chiếc cốc thủy tinh loại 500ml thiệt hại là 100.000 đồng.

+ Tường xây và lắp lại cửa xếp thiệt hại 1.000.000 đồng.

Tổng số thiệt hại là: 33.440.000 đồng (Ba mươi ba triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng).

Nguyên nhân của vụ tai nạn: La Văn T là người chưa có giấy phép lái xe ô tô theo quy định do tự ý điều khiển xe ô tô nhãn hiệu VINAXUKI, biển số 34C - 050.** của anh Đỗ Văn Đ đi từ thôn L ra Quốc lộ 31, khi đi đến ngã ba đường thôn L tiếp giáp với đường Quốc lộ 31 do không làm chủ tốc độ khi chuyển hướng xe gây tai nạn dẫn đến hậu quả anh Nguyễn Văn N bị tổn thương 78% sức khỏe và thiệt hại tài sản tổng trị giá 33.440.000 đồng (Ba mươi ba triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng), vi phạm vào khoản 9 Điều 8; khoản 1 Điều 15 Luật giao thông đường bộ và khoản 2 Điều 5 Thông tư số 13/2009/TT-BGTVT ngày 17/7/2009 của Bộ giao thông vận tải.

Khoản 9 Điều 8; khoản 1 Điều 15 Luật giao thông đường bộ quy định:

Điều 8: Các hành vi bị nghiêm cấm:

9. Điều khiển xe cơ giới không có giấy phép lái xe theo quy định.

Điều 15: Chuyển hướng xe:

1. Khi muốn chuyển hướng người điều khiển phương tiện phải giảm tốc độ và có tín hiệu báo hướng rẽ.

Điều 5 Thông tư số 13/2009/TT-BGTVT ngày 17/7/2009 của Bộ giao thông vận tải quy định:

Điều 5: Các trường hợp phải giảm tốc độ:

Người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ phải giảm tốc độ thấp hơn tốc độ tối đa cho phép đến mức không nguy hiểm (có thể dừng lại một cách an toàn) trong các trường hợp sau:

2. Chuyển hướng xe.

Đối với bà Trịnh Thị T là chủ xưởng làm đá lạnh tại thôn L, xã N và anh Đỗ Văn Đ là chủ xe ô tô tải biển số 34C - 050.**. Quá trình điều tra vụ án La Văn T có khai: Khoảng 18 giờ ngày 19/6/2015, trước khi T điều khiển xe ô tô của anh Đỗ Văn Đ gây tai nạn, lúc đó T đang ở trong xưởng làm đá lạnh của bà Trịnh Thị T, thì thấy bà T đi kiểm tra công nhân, thấy xe ô tô của anh Đ đỗ ở sân xưởng làm đá, bà

T có nói "sao đến ca làm lại để xe lung tung thế", lúc đó T đang ngồi uống nước cùng anh Hà Văn T và anh Bùi Văn K ở sân xưởng làm đá, thấy bà T nói vậy T đã lấy điện thoại của T ra gọi điện cho anh Đ nói với anh Đ là "anh ơi lên lùi xe vào không bà T chửi em", thì anh Đ trả lời là "Ừ", khoảng 15 phút sau không thấy anh Đ lên, T lại lấy điện thoại gọi cho anh Đ nói là "anh có lên lùi xe vào không, không thì em lùi xe vào cho anh nhé", thì anh Đ nói là "Ừ", sau đó T đi ra chỗ xe ô tô của anh Đ đỗ ở sân xưởng đá. T mở cửa xe ô tô của anh Đ thì thấy cửa xe ô tô của anh Đ không khóa, T trèo lên ngồi vào ghế lái thì thấy chùm chìa khoá của T mà mấy hôm trước anh Đ quên chìa khoá xe ô tô đã mượn của T để mở khóa điện xe ô tô vẫn để trên cốp xe ô tô, sau đó T lấy chiếc chìa khoá xe máy có chữ B25 trong chùm chìa khoá của mình tra vào ổ khóa điện xe ô tô rồi vặn đề xe ô tô nổ máy rồi điều khiển xe ô tô đi và gây tai nạn. T khai, khi T điện thoại cho anh Đ có anh T và anh K chứng kiến. Đối với chiếc điện thoại và số điện thoại T đã dùng để gọi cho anh Đ, T khai sau khi ra đầu thú rồi được trả tự do, T đã vất đi nên T không nhớ số điện thoại của T đã gọi cho anh Đ là bao nhiêu và cũng không nhớ số điện thoại của anh Đ mà T đã gọi là bao nhiêu, T chỉ nhớ số điện thoại của T thuộc mạng Viettel có đầu số là "016" và có ba số cuối là "715", số điện thoại của anh Đ thuộc mạng Vinaphone, T khẳng định buổi chiều ngày 19/6/2015 chỉ có T điện cho anh Đ, còn anh Đ không hề điện cho T lần nào. Quá trình điều tra bà Trịnh Thị T có cung cấp cho Cơ quan điều tra Công an huyện L, sau khi T lái xe ô tô gây tai nạn bỏ trốn bà đã gọi vào số máy điện thoại di động của T là 01696.***715 thì T nghe máy và bà đã khuyên T ra đầu thú. Anh Đỗ Văn Đ khai từ trước đến nay anh chỉ dùng một số điện thoại di động duy nhất là số 0912.524.***. Cơ quan điều tra đã tiến hành lấy lời khai của bà Trịnh Thị T, anh Đỗ Văn Đ, anh Hà Văn T và anh Bùi Văn K và tiến hành đối chất giữa T và bà T, T và anh Đ. Bà T khẳng định khoảng 18 giờ ngày 19/6/2015 bà không có mặt ở xưởng đá, bà cũng không hề nhắc nhở ai về việc đỗ xe ô tô trong xưởng đá, cũng không hề chỉ đạo ai bảo cho xe ô tô đỗ gọn vào. Anh Đỗ Văn Đ khẳng định khi lái xe ô tô anh luôn mang theo chìa khoá xe, chưa bao giờ anh quên chìa khoá xe ô tô và chưa bao giờ anh mượn chìa khoá của T để mở xe ô tô, ngày 19/6/2015 anh không hề nhận được cuộc điện thoại nào của T, anh chưa bao giờ đồng ý cho T điều khiển xe ô tô của mình. Anh Hà Văn T và anh Bùi Văn K đều khẳng định buổi chiều ngày 19/6/2015 các anh không thấy và không hề được chứng kiến T điện thoại cho anh Đ lúc nào.

Ngày 22/11/2016 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L đã ra Lệnh thu giữ thư tín, điện tín, bưu kiện, bưu phẩm tại bưu điện số 01 thu giữ: Chi tiết và nội dung các cuộc gọi đến, gọi đi; nội dung các tin nhắn gửi đến, gửi đi, chủ các thuê bao đã gọi đến, gọi đi và chủ các thuê bao đã nhận tin đến, nhận tin đi của số điện thoại 0912.524.*** trong thời gian từ 17 giờ 00 phút đến 21 giờ 00 phút ngày 19/6/2015. Tại công văn số 49/CV-CNTT ngày 01/12/2016 của Trung tâm công nghệ thông tin - Viễn thông Bắc Giang trả lời như sau:

- Về thông tin cuộc gọi đi, tin nhắn đi của thuê bao 0912.524.***; không có nội dung cuộc gọi, nội dung tin nhắn.

- Trong khoảng thời gian từ 17 giờ 00 đến 21 giờ 00 thuê bao 0912.524.*** có các cuộc gọi đi như sau:

Chủ gọi	Bị gọi	Ngày gọi	Giờ gọi	Thời gian gọi	Mạng di động
912.524.***	903.404.***	19/6/2015	18:08:12	144	MOOIFONE
912.524.***	1645.408.***	19/6/2015	19:09:39	15	VIETTTEL DD
912.524.***	1645.408.***	19/6/2015	19:13:17	27	VIETTTEL DD

- Các thuê bao bị gọi thuộc mạng Viettel và Mobifone nên không có thông tin về chủ thuê bao.

- Thông tin cuộc gọi đến, tin nhắn đến số 0912.524.*** do Tập đoàn VNPT quản lý.

Tại công văn số 7013/VNPT-PCTT ngày 27/12/2016 của Tập đoàn bưu chính viễn thông Việt Nam trả lời như sau: Hệ thống lưu trữ dữ liệu về cuộc gọi đi, đến, tin nhắn của các số điện thoại mục đích chính là phục vụ cho việc tính cước cuộc gọi hàng tháng cho khách hàng của VNPT sử dụng dịch vụ. Theo đó các dữ liệu này chỉ lưu trữ trên hệ thống tối đa là 06 tháng kể từ thời điểm cần trích xuất để phục vụ cho việc giải quyết khiếu nại về cước của khách hàng. Do vậy đối với nội dung yêu cầu về số điện thoại 0912.524.*** trong khoảng thời gian từ 16 giờ 30 phút đến 21 giờ 30 phút ngày 19/6/2015 tập đoàn VNPT không còn dữ liệu để cung cấp.

Ngày 22/11/2016 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L đã ra Lệnh thu giữ thư tín, điện tín, bưu kiện, bưu phẩm tại bưu điện số 02 thu giữ: Chi tiết và nội dung các cuộc gọi đến, gọi đi; nội dung các tin nhắn gửi đến, gửi đi, chủ các thuê bao đã gọi đến, gọi đi và chủ các thuê bao đã nhắn tin đến, nhắn tin đi của số điện thoại 01696.***.715 trong thời gian từ 17 giờ 00 phút đến 21 giờ 00 phút ngày 19/6/2015.

Tại Công văn số 1245/VTQĐ-PC ngày 02/12/2016 của Tập đoàn viễn thông quân đội trả lời như sau: Tại thời điểm lấy số liệu (ngày 02/12/2016) trên hệ thống không còn lưu thông tin cuộc gọi đi, đến, nội dung cuộc gọi, tin nhắn của thuê bao 01696.***.715 theo thời gian yêu cầu từ 17 giờ đến 21 giờ ngày 19/6/2015.

Ngoài lời khai của T ra không có chứng cứ nào khác chứng minh bà T đã bảo T điện cho anh Đ lên đánh xe ô tô ra chỗ khác và cũng không có chứng cứ nào chứng minh anh Đ đồng ý cho T điều khiển xe ô tô của mình nên không có căn cứ để xử lý đối với bà T và Đ.

Đối với anh Lý Nguyễn Lê H là cán bộ Đội điều tra tổng hợp - Công an huyện L là người được phân công giúp Điều tra viên điều tra vụ án ở giai đoạn điều tra ban đầu, quá trình điều tra La Văn T có khai khi T bị tạm giữ tại nhà tạm giữ Công an huyện L được khoảng 3-4 ngày thì anh H có đưa qua cửa sổ nhà tạm giữ cho T ký vào khoảng 3-4 tờ giấy có hai mặt có chữ đã in sẵn nhưng chưa viết nội

dung và sau khi T được trả tự do khoảng 4-5 ngày, anh H có mời T đến làm việc, sau khi ghi biên bản xong anh H lại đưa cho T ký vào khoảng 3-4 tờ giấy như trên và có yêu cầu T đưa cho anh H số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng) để đưa lên cấp trên nếu không sẽ bị tạm giữ lại, nhưng T không đưa. Khi T được trả tự do, anh H có mời T lên phòng làm việc yêu cầu T viết bản cam kết với nội dung là khi được trả tự do không được đi đâu khỏi địa phương, khi Cơ quan Công an triệu tập phải có mặt nhưng T không biết viết, mà cứ ngồi cầm bút nên anh H có tát T một cái vào trán sau đó anh H đưa cho T một bản cam kết đã viết sẵn có nội dung là khi được về nhà không đi đâu khỏi nơi cư trú, khi cơ quan Công an gọi thì phải có mặt và bảo T chép theo, khi T chép xong thì anh H cho T về. T khai nhận quá trình điều tra ngoài lần bị anh H tát vì không biết viết bản cam kết thì T không hề bị ai đánh đập, éo cung, dùng nhục hình hay ép khai báo không đúng sự thật, tất cả các biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung bị can của cán bộ điều tra và Điều tra viên T đều được nghe đọc lại hoặc tự mình đọc lại thấy đúng nội dung như T khai T mới ký vào biên bản. Cơ quan điều tra đã tiến hành cho La Văn T và anh Lý Nguyễn Lê H đối chất, anh H đều khẳng định không hề cho T ký vào giấy khống lần nào và cũng không hề đánh và yêu cầu T phải nộp tiền như T khai. Ngoài lời khai của T, không có chứng cứ nào khác chứng minh việc anh H có hành vi cho T ký khống vào giấy chưa ghi nội dung cũng như anh H đánh T và yêu cầu T phải đưa cho số tiền 1.000.000đ do vậy không có căn cứ để xử lý đối với anh Lý Nguyễn Lê H.

Về xử lý vật chứng:

Đối với chiếc xe ô tô xe ô tô tải màu xanh, nhãn hiệu VINAXUKI, tải trọng 1620 kg biển số 34C-050.**. Ngày 26/8/2015 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc xe ô tô nêu trên cùng các giấy tờ liên quan đến xe ô tô cho anh Đ là có căn cứ.

Về trách nhiệm dân sự:

- Quá trình điều tra anh N yêu cầu La Văn T phải bồi thường thiệt hại là 461.261.365 đồng (Bốn trăm sáu mươi một triệu hai trăm sáu mươi nghìn ba trăm sáu mươi năm nghìn đồng).

- Đối với thiệt hại về tường nhà bị đổ và cửa xếp bị hỏng của Công ty TNHH một thành viên Lâm Nghiệp L. Công ty Lâm Nghiệp L không yêu cầu T phải bồi thường.

- Về thiệt hại đối với xe ô tô nhãn hiệu VINAXUKI, biển số 34C - 050.** của anh Đ, anh Đ yêu cầu T phải bồi thường thiệt hại về xe ô tô là 31.890.000đ (Ba mươi một triệu tám trăm chín mươi nghìn đồng).

Tại bản án số: 155/2016/HSPT, ngày 22/9/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, quyết định hủy toàn bộ bản án hình sự số 06/2016/HSST, ngày 01/02/2016 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang. Giao hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang để điều tra theo thủ tục chung.

Tại bản cáo trạng số: 43/KSĐT, ngày 31 tháng 05 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện L truy tố bị cáo La Văn T về hành vi "Vi phạm quy định về điều

khẩn trương tiện giao thông đường bộ" quy định tại điểm a khoản 2 Điều 202- Bộ luật Hình sự.

Bản án hình sự sơ thẩm số 48/2017/HSST ngày 02/8/2017 của TAND huyện L, tỉnh Bắc Giang đã xét xử và quyết định:

1. Tội danh: Tuyên bố bị cáo La Văn T phạm tội “Vi phạm qui định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”.

2. Điều luật áp dụng: Áp dụng điểm a, khoản 2, Điều 202; điểm p khoản 1,2 Điều 46 và Điều 33/BLHS. Các Điều 28; 99; 231 và 234/BLTTHS. Điều 6; 21 và Điều 23, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

3. Hình phạt: Xử phạt bị cáo La Văn T **05** (năm) năm **06** (sáu) tháng tù (được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 21/6/ 2015 - 30/6/2015) về tội “ Vi phạm qui định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 03/11/2016.

4. Dân sự: Áp dụng Điều 42/BLHS; Điều 357; Điều 584; Điều 585; Điều 589; Điều 590 và Điều 688- BLDS năm 2015.

- Buộc bị cáo La Văn T phải bồi thường cho anh Đỗ Văn Đ do ông Trịnh Xuân T đại diện hợp pháp số tiền 31.890.000đ (ba mươi một triệu, tám trăm chín mươi nghìn đồng chẵn).

- Buộc bị cáo La Văn T phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị Q số tiền 550.000đ(năm trăm năm mươi nghìn đồng chẵn).

- Ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo La Văn T và anh Nguyễn Văn N là người bị hại. Bị cáo La Văn T phải có trách nhiệm bồi thường cho anh Nguyễn Văn N, tiền thuốc, viện phí, tiền ngày công lao động, mất thu nhập, tổn thất về tinh thần, phục hồi sức khỏe. Tổng số tiền 230.000.000đ (hai trăm ba mươi triệu đồng chẵn), được trừ số tiền 3.000.000đ (ba triệu đồng chẵn) đã bồi thường. Bị cáo La Văn T còn phải bồi thường tiếp số tiền 227.000.000đ (hai trăm hai mươi bảy triệu đồng chẵn).

*Không chấp nhận yêu cầu đề nghị của anh Nguyễn Văn N buộc anh Đỗ Văn Đ phải có nghĩa vụ liên đới bồi thường số tiền 230.000.000đ (hai trăm ba mươi triệu đồng chẵn).

*Tách một phần yêu cầu đề nghị của anh Nguyễn Văn N là người bị hại đòi bị cáo La Văn T bồi thường số tiền hơn 67 triệu đồng để giải quyết ở vụ kiện dân sự khác.

Ngoài ra bản án còn giải quyết về vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm xong, ngày 09/8/2017 người bị hại là anh Nguyễn Văn N nộp đơn kháng cáo. Nội dung kháng cáo của người bị hại là đề nghị cấp phúc

thẩm xem xét lại vụ án: Buộc chủ xe ô tô là Đỗ Văn Đ phải liên đới bồi thường thiệt hại do tai nạn gây ra bằng $\frac{1}{2}$ của tổng số thiệt hại 460 triệu đồng cùng với bị cáo La Văn T; Tiếp tục điều tra việc chủ xe Đỗ Văn Đ giao xe cho bị cáo điều khiển gây tai nạn để truy cứu trách nhiệm hình sự chủ xe ô tô; Làm rõ việc điều tra viên Lý Nguyễn Lê H tạt và bắt bị cáo ký khống vào nhiều tờ giấy trắng, bắt bị cáo đưa tiền nhằm mục đích gì; Điều tra làm rõ việc công an điều tra huyện L trả xe ô tô là tang vật của vụ án có đúng theo quy định của pháp luật hay không?

Tại phiên toà phúc thẩm:

- Người bị hại giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đã nêu, ngoài ra còn bổ sung nội dung kháng cáo: do trước đây Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định tiền tổn thất tinh thần có mức tối đa không quá 30 tháng lương tối thiểu nên có yêu cầu bồi thường mức bồi thường là 30 tháng lương, tại thời điểm hiện nay Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định mức tối đa không quá 50 lần mức lương cơ sở, do đó đề nghị HĐXX xem xét áp dụng mức tối đa theo Bộ luật Dân sự năm 2015 để quyền lợi được đảm bảo. Mức tiền yêu cầu bị cáo và anh Đỗ Văn Đ phải liên đới bồi thường chỉ tính tròn số tổng cộng là 491.000.000 đồng. Lý do: Anh Đ là chủ xe ô tô đã giao xe cho bị cáo điều khiển gây tai nạn nên phải chịu trách nhiệm hình sự và liên đới bồi thường; cán bộ điều tra có hành vi đánh bị cáo ép ký khống, buộc phải đưa tiền; trả lại xe ô tô không đúng pháp luật nên không bảo đảm quyền lợi trong việc giải quyết bồi thường. Tại Tòa sơ thẩm không có sự thỏa thuận bồi thường dân sự giữa người bị hại, bị cáo và anh Đ.

- Bị cáo khai khu vực xưởng sản xuất đá lạnh nhà bà T cách xa nơi gia đình bà T và gia đình anh Đ sinh sống. Tại xưởng đá chỉ có các công nhân làm việc ăn ở sinh hoạt, không có người bảo vệ trông nom. Xưởng sản xuất đá là khu đất có công trình xây dựng, tường bao quanh, không có cổng bảo vệ. Thường ngày có hai xe trong đó có xe của anh Đ vận chuyển đá đi giao cho các cơ sở ướp vải thiều. Khoảng 6 giờ tối ngày 19/6/2015 bà T có đến xưởng thấy xe ô tô của anh Đ đỗ ở sân thì có nhắc là không để gọn xe vào thì làm sao quan sát được công việc. Vì hôm đó là ca làm việc của bị cáo nên bị cáo đã gọi điện thoại cho anh Đ để đánh xe gọn vào, anh Đ nghe chỉ trả lời “Ừ” nhưng mãi không thấy đến, bị cáo phải gọi tiếp lần thứ hai. Do trước đó bị cáo đã được anh Đ cho điều khiển thử xe ô tô tại sân xưởng nên có bảo là để em lùi hộ nhé và anh Đ bảo “Ừ”. Bị cáo đi đến chỗ xe ô tô đỗ, mở cửa xe ô tô của anh Đ thì thấy cửa xe ô tô của anh Đ không khóa, bị cáo trèo lên ngồi vào ghế lái thì thấy chùm chìa khoá của bị cáo mà mấy hôm trước anh Đ quên chìa khoá xe ô tô đã mượn của bị cáo để mở khóa điện xe ô tô vẫn để trên cốp xe ô tô. Sau đó bị cáo lấy chiếc chìa khoá xe máy có chữ B25 trong chùm chìa khoá của mình tra vào ổ khóa điện xe ô tô rồi vận đề xe ô tô nổ máy rồi điều khiển xe ô tô đi và gây tai nạn. Sự việc có anh K, anh T là người làm thuê cùng ở đó biết. Anh Đ không bảo bị cáo lái xe đi ra ngoài đường, bà T cũng không bảo bị cáo điều

hiển xe vào chỗ khác. Tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo thấy anh N yêu cầu bị cáo và anh Đ phải liên đới bồi thường mỗi người 230 triệu đồng nên bị cáo đồng ý phần của bị cáo, còn anh Đ không đồng ý bồi thường.

- Người bị hại anh N trình bày: Từ trước đến nay luôn yêu cầu bị cáo và anh Đ chủ xe ô tô phải liên đới bồi thường thiệt hại 460 triệu đồng, không có việc thỏa thuận chỉ đồng ý cho bị cáo bồi thường 230 triệu đồng như án sơ thẩm nêu. Nếu thỏa thuận thì phải có sự đồng ý của cả anh Đ thì mới chấp nhận.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị Q (vợ anh N) trình bày: Mọi chi phí điều trị, kê khai thiệt hại cũng như hóa đơn chứng từ chứng minh cho yêu cầu đòi bồi thường 460 triệu đồng là do chị đứng ra làm đơn đề nghị. Tuy nhiên tại phiên tòa cấp sơ thẩm không xem xét hỏi gì đến chị mà chỉ buộc bị cáo bồi thường cho chị 550.000 đồng tiền bàn ghế, cốc chén bị vỡ là không khách quan, đảm bảo quyền lợi của vợ chồng chị.

- Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang thực hành quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đơn kháng cáo của người bị hại được nộp cho Tòa án trong hạn 15 ngày sau khi tuyên án sơ thẩm nên là kháng cáo hợp lệ, đề nghị HĐXX chấp nhận xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm. Bản án sơ thẩm xét xử bị cáo là đúng người, đúng tội. Kết quả điều tra không có căn cứ chứng minh lời khai của bị cáo về việc cán bộ điều tra đánh đập, ép ký không, buộc đưa tiền; không có căn cứ chứng minh anh Đỗ Văn Đ có lỗi trong việc giao xe ô tô cho bị cáo điều khiển.

Tại quá trình xét xử phúc thẩm người bị hại không có tình tiết nào khác chứng minh cho yêu cầu kháng cáo. Do đó căn cứ điểm a, khoản 2, Điều 248- BLTTHS đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của người bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 48/2017/HSST ngày 02/8/2017 của TAND huyện L, tỉnh Bắc Giang. Các quyết định khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị. Người bị hại không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

- Luật sư bào chữa cho bị cáo có quan điểm tranh luận: Về tội danh và hình phạt nhất trí án sơ thẩm nêu, không tranh luận. Tại phiên tòa phát sinh yêu cầu tăng mức bồi thường dân sự của người bị hại do thay đổi pháp luật và không đồng ý sự thỏa thuận như án sơ thẩm nêu nên đề nghị HĐXX xem xét giải quyết tuyên buộc bị cáo phải bồi thường theo quy định của pháp luật

- Bị cáo nhất trí quan điểm của Luật sư, đề nghị đại diện Viện kiểm sát xem xét bị cáo không tự ý điều khiển xe của anh Đ mà có sự đồng ý của anh Đ.

- Luật sư bảo vệ người bị hại (anh N) có quan điểm tranh luận:

+ Về tố tụng: Cấp sơ thẩm đã có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong quá trình điều tra vụ án. Cụ thể cán bộ điều tra H đã đánh bị cáo, buộc bị cáo phải

đưa tiền để được tại ngoại, ép ký không, có hành vi làm sai lệch nội dung vụ án; trả lại xe ô tô cho anh Đỗ Văn Đ không đúng quy định của pháp luật; Anh Đ không phải chủ sở hữu xe ô tô mà chỉ là người chiếm hữu xe ô tô nên việc trả xe cho anh Đ là không đúng chủ sở hữu; không tổ chức khám nghiệm xe ô tô liên quan đến tai nạn; không tiến hành thu giữ thư tín, điện tín ngay sau khi xảy ra sự việc; không thực hiện đúng lệnh thu giữ thư tín, điện tín, việc yêu cầu cung cấp thông tin là không đúng quy định của tổ tụng hình sự; thông tin cung cấp của cơ quan viễn thông không khách quan, không có hiệu quả và có nội dung mâu thuẫn giữa các cơ quan viễn thông; đây là chứng cứ quan trọng chứng minh việc bị cáo gọi điện thoại cho anh Đ và được sự đồng ý mới điều khiển xe ô tô; Cấp sơ thẩm không triệu tập và xem xét tư cách tham gia tố tụng của anh T (là người đăng ký chủ xe ô tô), chị Q (người bán xe ô tô cho anh Đ) và xác định tư cách tham gia tố tụng của anh Đ không đúng; không tiến hành thực nghiệm điều tra mở cửa xe ô tô bằng chìa khóa của bị cáo; không thực nghiệm hiện trường xưởng đá xem có phù hợp và đúng với lời khai của bị cáo hay không?

+ Về nội dung: Việc trả xe ô tô cho anh Đ sau đó anh Đ bán xe cho người khác mà không biết là ai, là có sự bao che nhằm trốn tránh nghĩa vụ và không có căn cứ để xác định chứng cứ cần thiết của vụ án. Hành vi bắt bị cáo ký không là có dấu hiệu làm sai lệch hồ sơ vụ án, bị cáo không có chứng cứ tài liệu chứng minh điều đó vì chỉ có bị cáo và cán bộ điều tra biết với nhau nhưng bị cáo sẵn sàng tố cáo tại phiên tòa và chịu trách nhiệm hình sự về việc khai báo không đúng. Dù bất cứ vì nguyên nhân nào thì người bị hại cũng đã bị mất một chân, bị tổn hại 78% sức khỏe nhưng việc xử lý trách nhiệm dân sự có vi phạm nghiêm trọng dẫn đến không đảm bảo quyền lợi của người bị hại. Lời khai của anh Đ có mâu thuẫn về việc khóa xe, rút chìa khóa, cắt mát. Nếu không có căn cứ chứng minh về việc anh Đ giao xe ô tô cho bị cáo thì cũng có căn cứ chứng minh anh Đ là người đang chiếm hữu xe ô tô. Anh Đ là người có lỗi trong việc trông nom, bảo quản xe ô tô là nguồn nguy hiểm cao độ. Do đó anh Đ và bị cáo phải có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại cho anh Nguyễn Văn N. Việc án sơ thẩm công nhận sự thỏa thuận bị cáo bồi thường cho anh N 230 triệu đồng là không đúng quy định của pháp luật vì không có sự thỏa thuận của cả 3 người là bị cáo, anh Đ và anh N, trong khi anh N luôn yêu cầu cả bị cáo và anh Đ phải liên đới bồi thường 460 triệu đồng. Ngoài ra án sơ thẩm buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Đ tiền sửa xe ô tô là không đúng quy định, nguyên tắc pháp luật dân sự. Án sơ thẩm khi xem xét giải quyết còn không áp dụng luật nội dung là Điều 623- BLDS năm 2005 hay Điều 601- BLDS năm 2015 là thiếu sót, không đúng pháp luật. Từ những nội dung trên, đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn N, áp dụng điểm c, khoản 2, Điều 248 và Điều 250- BLTTHS, hủy phần dân sự của án sơ thẩm để xét xử lại.

- Người bị hại (anh Nguyễn Văn N) nhất trí quan điểm của Luật sư, không đồng ý quan điểm của đại diện Viện kiểm sát.

- Luật sư bảo vệ quyền lợi cho anh Đỗ Văn Đ có quan điểm tranh luận: Nhất trí nội dung án sơ thẩm và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Trong vụ án này anh Đ không có lỗi và không phải chịu trách nhiệm bồi thường dân sự. Vấn đề thu thập thông tin điện thoại chỉ phát sinh khi bị cáo phản cung và hủy án sơ thẩm lần 1, lúc đó cơ quan điều tra đã tiến hành thu thập nhưng thời gian đã quá 6 tháng nên trung tâm viễn thông không còn lưu giữ chứng cứ để cung cấp. Về việc trả xe ô tô, đây là phương tiện phục vụ cho sản xuất kinh doanh và đời sống nên sau khi xem xét tài liệu có liên quan, CQĐT đã trả xe ô tô là phù hợp với quy định của pháp luật vì anh Đ là người chiếm hữu hợp pháp xe ô tô. Vụ án này không cần thiết phải khám nghiệm hiện trường để xe ô tô vì đó là nơi gia đình anh Đ có chỗ đậu xe, không có căn cứ, nghi ngờ lời khai phản cung, không có tài liệu chứng minh cho lời khai phản cung đó của bị cáo. Anh Đ không có lỗi vì bị cáo tự ý lấy xe ô tô đi. Căn cứ khoản 4, Điều 623- BLDS năm 2005 và điểm d, khoản 2, mục III, Nghị quyết 03/2006 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao thì anh Đ không phải bồi thường dân sự. Về trách nhiệm bảo quản, trông giữ xe ô tô thì có quy định nào về việc để xe ở nhà mình mà phải khóa cửa xe không? Việc mượn chìa khóa xe máy để sử dụng sao lại không trả cho bị cáo, không mang chìa khóa xe về? Bị cáo T có nhiều lời khai phù hợp với lời khai của những người khác và các tài liệu chứng cứ khác như án sơ thẩm đã nêu là đúng. Lời khai của anh K, anh T khẳng định không thấy bị cáo gọi điện thoại cho anh Đ, anh Đ cũng phủ nhận việc bị cáo gọi điện thoại cho anh. Anh Đ là người không biết chữ, hạn chế khả năng nói và nhận thức nên quá trình điều tra, do thời gian đã lâu nên sẽ có sự không chính xác, hiểu không rõ và trả lời không đúng câu hỏi của cán bộ điều tra. Từ nội dung trên khẳng định bị cáo tự ý lấy xe ô tô của anh Đ gây thiệt hại bị cáo phải bồi thường là đúng.

- Đại diện Viện kiểm sát đối đáp: Nhất trí quan điểm của Luật sư B, Luật sư H vì có căn cứ pháp luật, phù hợp với nội dung vụ án. Đồng tình với quan điểm của Luật sư bị hại là phải bảo vệ công lý, lẽ phải, quyền lợi chính đáng. Đề nghị Luật sư bảo vệ cho người bị hại nêu rõ các căn cứ chứng minh cơ quan điều tra làm sai lệch hồ sơ vụ án để có cơ sở đề nghị xem xét trách nhiệm. Các tài liệu điều tra đã chứng minh anh Đ là người chiếm hữu, sử dụng xe ô tô. Việc mua bán xe của anh Đ là quan hệ dân sự, không liên quan nên không triệu tập anh T, chị Q tham gia tố tụng là người liên quan được. Còn anh Đ bán xe cho người khác không biết tên tuổi người ta thì không có căn cứ gì cho rằng anh cố tình gian dối. Có quy định nào về việc đỗ xe ô tô phải khóa cửa xe không? Bị cáo cố tình mở cửa để lấy xe ô tô đi mà không được sự đồng ý của chủ xe, tài liệu điều tra không đủ căn cứ chứng minh anh Đ có lỗi nên không phải bồi thường cho anh N là đúng.

- Luật sư bảo vệ bị hại có quan điểm: Anh Đ cố tình không có mặt tại phiên tòa, lời khai trong quá trình điều tra có mâu thuẫn. Tại phiên tòa bị cáo tố cáo cán bộ điều tra H bắt ký khống, đòi tiền 1 triệu đồng là cơ sở cho thấy hoạt động điều

tra có vấn đề không đúng, trái pháp luật. Xe ô tô là phương tiện gây tai nạn, xâm phạm đến sức khỏe người khác bị truy cứu trách nhiệm hình sự nên không thể xe xét trả xe vội vàng như vậy được, như thế là trái pháp luật. Khoản 4, Điều 623-BLDS quy định rõ nếu có lỗi trong việc để chiếm hữu, sử dụng nguồn nguy hiểm cao độ trái pháp luật thì phải liên đới bồi thường. Khoản 1, Điều 623- BLDS cũng quy định rõ chủ sở hữu phải bảo quản, trông giữ nguồn nguy hiểm cao độ. Nếu như cấp sơ thẩm khẳng định anh Đ không có lỗi thì cũng phải tuyên buộc bị cáo phải bồi thường thiệt hại cả số tiền 460 triệu đồng cho anh N. Đề nghị HĐXX cân nhắc, đánh giá.

- Luật sư bảo vệ cho anh Đ có quan điểm: Luật sư bảo vệ cho anh N chưa viện dẫn được quy định về trông giữ, bảo quản nguồn nguy hiểm cao độ là xe ô tô. Anh Đ không biết chữ nên không biết tên người mua xe ô tô phù hợp. Lệnh thu giữ thư tín, điện tín là hoạt động bình thường. Việc trả xe sau khi đã khám nghiệm là phù hợp. Tài liệu điều tra đã chứng minh anh Đ không có lỗi nên không phải bồi thường dân sự.

- Luật sư bảo vệ cho anh N có quan điểm: Anh Đ không phải là chủ sở hữu xe ô tô, anh T là người chủ sở hữu, còn chị Q là người như thế nào mà lại bán xe cho anh Đ? Anh Đ ở thời điểm đó là người đang chiếm hữu sử dụng xe ô tô.

- Đại diện Viện kiểm sát có quan điểm: Do không chứng minh được lỗi của anh Đ nên án sơ thẩm xử là có căn cứ, giữ nguyên quan điểm đã trình bày.

- Người bị hại có quan điểm: Vụ án có nhiều vấn đề không khách quan như việc điều tra, mối quan hệ của cán bộ điều tra cấp trên, cấp dưới; mối quan hệ của chủ xe, chủ xưởng. Anh Đ đã không tuân thủ quy định về bảo quản, trông giữ xe. Từ trước đến nay luôn yêu cầu bị cáo và chủ xe phải liên đới bồi thường.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (chị Nguyễn Thị Q) có quan điểm: Đề nghị HĐXX xem xét để đảm bảo quyền lợi cho gia đình trong quá trình giải quyết vụ án.

- Luật sư bảo vệ cho anh N có quan điểm: Toàn bộ các khoản chi phí điều trị, yêu cầu bồi thường chị Q đã kê khai đề nghị Tòa án xem xét.

Kết thúc tranh luận các bên giữ nguyên quan điểm của mình.

Bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị HĐXX xem xét theo pháp luật, giảm nhẹ hình phạt tù cho bị cáo để sớm trở về với gia đình và xã hội.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo và của những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của người bị hại được làm trong thời hạn kháng cáo và gửi đến Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang theo đúng quy định tại khoản 1, Điều 234- Bộ luật tố tụng hình sự nên được coi là đơn kháng cáo hợp pháp. HĐXX chấp nhận xem xét giải quyết đơn kháng cáo của bị hại theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Những người tham gia tố tụng đã được thông báo hợp lệ văn bản của Tòa án về thời gian mở phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Xét thấy quá trình điều tra, xét xử sơ thẩm đã có lời khai của những người này nên việc vắng mặt của họ không trở ngại cho việc xét xử. Anh Đỗ Văn Đ có đơn xin xét xử vắng mặt, tại phiên tòa có mặt luật sư bảo vệ quyền lợi của anh Đ tham gia tranh tụng. Do đó HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng theo quy định tại khoản 2, Điều 245- Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Xét hành vi phạm tội của bị cáo: La Văn T là người chưa có giấy phép lái xe ô tô theo quy định. Khoảng 19 giờ ngày 19/6/2015, T điều khiển xe ô tô tải nhãn hiệu VINAXUKI loại 1620kg, biển số 34C-050.** đi từ xưởng làm đá lạnh của gia đình bà Trịnh Thị T ra Quốc lộ 31. Khi đi đến ngã ba đường L với Quốc lộ 31 do không tuân thủ quy định tại khoản 1 Điều 15 Luật giao thông đường bộ; khoản 2 Điều 5 Thông t- số 13/2009/TT-BGTVT ngày 17/7/2009 của Bộ giao thông vận tải về chuyển hướng xe đã gây tai nạn cho anh Nguyễn Văn N đang ngồi uống nước ở cửa nhà. Hậu quả anh N bị tổn thương 78% sức khỏe, thiệt hại về tài sản là 33.440.000 đồng (Ba mươi ba triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng). Từ những nội dung trên án sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” theo điểm a, khoản 2, Điều 202-BLHS năm 1999 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai.

[4] Xét nội dung kháng cáo của người bị hại Nguyễn Văn N, qua diễn biến phiên tòa phúc thẩm và tài liệu chứng cứ trong hồ sơ HĐXX thấy:

- Về tội danh, hình phạt: Mặc dù không có kháng cáo, kháng nghị về tội danh và hình phạt nhưng lời nói sau cùng bị cáo La Văn T có đề nghị HĐXX xem xét theo pháp luật giảm nhẹ mức án cho bị cáo. Trên cơ sở xem xét, đánh giá toàn diện vụ án, HĐXX thấy rằng mức hình phạt 05 năm 06 tháng tù cấp sơ thẩm tuyên đối với bị cáo là có phần nghiêm khắc, cần xem xét sửa án sơ thẩm, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo cũng đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo và đảm bảo công tác đấu tranh, phòng ngừa tội phạm.

- Về căn cứ chứng minh anh Đỗ Văn Đ giao xe cho bị cáo La Văn T điều khiển: Căn cứ các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án thấy không có căn cứ chứng minh nên không xử lý trách nhiệm hình sự đối với anh Đ chủ xe ô tô.

- Về nội dung cán bộ điều tra Lý Nguyễn Lê H đánh, ép bị cáo La Văn T ký

không, bắt bị cáo phải nộp 1.000.000 đồng : tài liệu trong hồ sơ vụ án không có căn cứ chứng minh nên HĐXX không giải quyết.

- Về xử lý vật chứng: Chưa đảm bảo quy định, chưa xác minh rõ chủ sở hữu thực sự của xe ô tô. Đăng ký tên chủ xe là Nguyễn Đức T ở Cẩm Giàng, Hải Dương; anh Đ mua lại của chị Hoàng Thị Q ở Chu Điện, Lục Nam nhưng không tiến hành hoạt động điều tra xác minh làm rõ. Cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

- Về chứng cứ để xác định lỗi của chủ xe ô tô để xem xét trách nhiệm dân sự: Lời khai ban đầu của anh Đ thể hiện không chốt cửa xe bên lái, sau đó lại thay đổi khai có chốt cửa và cuối cùng là không nhớ có chốt cửa bên lái hay không? Như vậy có cơ sở để thấy lời khai của anh Đ phù hợp với lời khai của bị cáo về việc xe ô tô không chốt khóa cửa bên lái. (các bút lục số 240, 250, 256, 258, 536, 554, 600). Như vậy anh Đ chưa thực hiện việc đảm bảo an toàn nguồn nguy hiểm cao độ theo quy định tại khoản 1, Điều 623- Bộ luật dân sự năm 2005 hay khoản 1, Điều 601- Bộ luật dân sự năm 2015. Điều đó có nghĩa anh Đ phải chịu trách nhiệm liên đới cùng bị cáo bồi thường thiệt hại theo quy định tại đoạn 2, khoản 4, Điều 623- Bộ luật dân sự năm 2005 hay đoạn 2, khoản 4, Điều 601- Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về bồi thường dân sự: Án sơ thẩm công nhận sự thỏa thuận bị cáo bồi thường cho bị hại 230 triệu đồng là không đúng vì: anh N yêu cầu bị cáo và anh Đỗ Văn Đ phải liên đới bồi thường số tiền 460.000.000đ, mỗi người $\frac{1}{2}$ số tiền trên, nếu có việc thỏa thuận thì chỉ được chấp nhận khi cả 3 bên đồng ý và khi đó Tòa án mới có cơ sở để chấp nhận và ghi nhận. Tại phiên tòa sơ thẩm chỉ có bị cáo đồng ý bồi thường còn anh Đ không đồng ý bồi thường. Việc Tòa án chấp nhận thỏa thuận 230 triệu như vậy đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của anh N vì anh đòi bồi thường tổng cộng 460 triệu đồng. Vì vậy vấn đề thỏa thuận cần phải được xem xét giải quyết lại. Xét anh Đỗ Văn Đ có lỗi trong việc trông nom, bảo quản xe ô tô để bị cáo chiếm hữu, sử dụng trái pháp luật gây thiệt hại về sức khỏe cho anh Nguyễn Văn N là 78%. Do đó anh Đỗ Văn Đ phải có trách nhiệm liên đới cùng bị cáo La Văn T bồi thường cho anh Nguyễn Văn N. Số tiền thiệt hại có thể còn lớn hơn nhưng anh Nguyễn Văn N chỉ yêu cầu bồi thường tính tròn số là 491.000.000 đồng (bao gồm các khoản chi phí hợp lý như thiệt hại tài sản 1.100.000 đồng, tiền thu nhập thực tế bị mất: 64.804.000 đồng, tiền tổn thất tinh thần 65.000.000 đồng, tiền chi phí cứu chữa, bồi dưỡng 360.856.565 đồng) là phù hợp quy định của pháp luật, cần được chấp nhận. HĐXX căn cứ tài liệu trong hồ sơ xác định tỷ lệ lỗi của anh Đỗ Văn Đ và bị cáo La Văn T là 50%/50%. Việc bồi thường dân sự HĐXX căn cứ vào các quy định pháp luật dân sự tại thời điểm giải quyết vụ án. Trong số tiền anh N yêu cầu đã có cả tiền thiệt hại về tài sản mà cấp sơ thẩm đã tuyên bị cáo phải trả cho chị Nguyễn Thị Q 550.000 đồng. Đây là tài sản chung của vợ chồng anh N, chị Q nên khi giải quyết HĐXX cần xem xét lại về phần bồi thường này cho phù hợp và đảm bảo thống nhất nên chỉ cần buộc bồi thường cho anh N là đủ, sửa lại phần bồi thường cho chị Q mà án sơ thẩm đã tuyên. Do thay đổi của pháp luật dân

sự nên mức bồi thường tổn thất tinh thần tăng lên tối đa là 50 lần mức lương cơ sở nên cần chấp nhận yêu cầu này của người bị hại.

Từ những nội dung trên HĐXX thấy quan điểm của Luật sư bảo vệ cho người bị hại về việc xác định anh Đỗ Văn Đ là người có lỗi trong việc trông nom, bảo quản nguồn nguy hiểm cao độ nên phải có nghĩa vụ liên đới bồi thường cùng bị cáo là có căn cứ.

- Về xác định tư cách tham gia tổ tụng của anh Đỗ Văn Đ: Trong vụ án này anh Đỗ Văn Đ là người đang chiếm hữu, quản lý xe ô tô 34C 050.** gây tai nạn. Người bị hại là anh Nguyễn Văn N có yêu cầu anh Đ phải liên đới bồi thường dân sự cùng bị cáo La Văn T. Do đó việc cấp sơ thẩm xác định anh Đ là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để giải quyết yêu cầu bồi thường của anh Nguyễn Văn N là chưa chính xác mà phải xác định tư cách tham gia tổ tụng của anh Đỗ Văn Đ là “Bị đơn dân sự” mới đúng. Sai sót này không đến mức phải hủy bản án dân sự nhưng cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

Do vậy, HĐXX phúc thẩm căn cứ quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 248; điểm c, khoản 1, khoản 3, Điều 249-Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận một phần kháng cáo của người bị hại Nguyễn Văn N, sửa phần dân sự của bản án sơ thẩm, buộc anh Đỗ Văn Đ và bị cáo La Văn T phải có nghĩa vụ liên đới bồi thường dân sự cho anh Nguyễn Văn N số tiền 491.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 298, Điều 623- Bộ luật dân sự năm 2005 hay Điều 288, Điều 601- Bộ luật dân sự năm 2015.

[5] Về án phí của vụ án:

- Do kháng cáo của người bị hại được chấp nhận nên làm phát sinh đến nghĩa vụ chịu án phí dân sự của bị cáo, anh Đỗ Văn Đ, HĐXX căn cứ quy định tại Điều 21; Điều 23; Điều 26; Điều 27; Điều 29- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Điều 147- BLTTDS để xác định lại nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí phúc thẩm của vụ án.

- Bị cáo La Văn T là người dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn của tỉnh Lạng Sơn nhưng cấp sơ thẩm tuyên buộc bị cáo La Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 12.972.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm là không đúng quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 12- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo được miễn toàn bộ án phí hình sự và dân sự, cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[6] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 248; điểm c, khoản 1, khoản 3, Điều 249-Bộ luật tố tụng hình sự.

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị hại Nguyễn Văn N. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 48/2017/HSST ngày 02/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang.

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo La Văn T phạm tội “Vi phạm qui định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”.

- Về hình phạt: Áp dụng điểm a, khoản 2, Điều 202; điểm p, khoản 1, khoản 2, Điều 46, Điều 33- Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo La Văn T 03 năm 03 tháng tù nhưng được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 21/6/ 2015 đến ngày 30/6/2015. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 03/11/2016.

- Về trách nhiệm Dân sự: Áp dụng Điều 42-Bộ luật hình sự; Điều 608, Điều 609, Điều 623, Điều 298- Bộ luật dân sự năm 2005, theo luật hiện hành là các Điều 357; Điều 584; Điều 585; Điều 589; Điều 590, Điều 601 và Điều 688, Điều 288- Bộ luật dân sự năm 2015 : Buộc bị cáo La Văn T và anh Đỗ Văn Đ phải liên đới bồi thường thiệt hại về dân sự cho người bị hại là anh Nguyễn Văn N số tiền 491.000.000 đồng, cụ thể theo mức độ lỗi của bị cáo La Văn T và anh Đỗ Văn Đ là 50%/50% thì mỗi người phải bồi thường số tiền 245.500.000 đồng. Số tiền 3.000.000 đồng bị cáo La Văn T đã bồi thường cho anh Nguyễn Văn N được đối trừ vào số tiền phải bồi thường.

Người bị hại là anh Nguyễn Văn N có quyền yêu cầu bất cứ ai trong hai người có nghĩa vụ là bị cáo La Văn T, anh Đỗ Văn Đ phải thực hiện toàn bộ nghĩa vụ bồi thường. Trường hợp một người đã thực hiện toàn bộ nghĩa vụ thì có quyền yêu cầu người có nghĩa vụ liên đới khác phải thực hiện phần nghĩa vụ liên đới của họ đối với mình.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ số tiền phải thi hành thì người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền chưa thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2, Điều 468- Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

[2]. Về án phí: Căn cứ quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 12; Điều 21; Điều 23; Điều 26; Điều 27; Điều 29- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Điều 147- Bộ luật tố tụng dân sự:

- Sửa án phí hình sự, dân sự sơ thẩm đối với bị cáo La Văn T, miễn toàn bộ án phí án phí hình sự, dân sự sơ thẩm và phúc thẩm cho bị cáo.

- Buộc anh Đỗ Văn Đ phải chịu 12.275.000 đồng án phí dân sự do phải thực hiện nghĩa vụ bồi thường dân sự cho người bị hại.

[3]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm số 48/2017/HSST ngày 02/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Công an tỉnh Bắc Giang;
- STP Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- CA-VKS-TA-CCTHADS sơ thẩm;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Ong Thân Thắng